



Ký bởi: Tổng cục Thuế
Địa chỉ: Tổng cục Thuế
Thời gian ký: 26.12.2024 17:13

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6274** /TCT - CS
V/v chính sách thuế

Hà Nội, ngày **26** tháng **12** năm **2024**

Kính gửi: Công ty TNHH NYD Line.

(D/c: 25 Đường số 5, Khu KDM Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh)

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 03/NYD ngày 04/10/2024 của Công ty TNHH NYD Line về chính sách thuế. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Khoản 5 Điều 51 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định:

“5. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có quy mô về doanh thu, lao động đáp ứng từ mức cao nhất về tiêu chí của doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thực hiện chế độ kế toán và nộp thuế theo phương pháp kê khai.”

Điểm c khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế quy định:

“c) Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân thì cá nhân không trực tiếp khai thuế. Tổ chức có trách nhiệm khai thuế giá trị gia tăng đối với toàn bộ doanh thu của hoạt động hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế của tổ chức mà không phân biệt hình thức phân chia kết quả hợp tác kinh doanh, đồng thời khai thay và nộp thay thuế thu nhập cá nhân cho cá nhân hợp tác kinh doanh. Trường hợp tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 5 Điều 51 Luật Quản lý thuế, mà cá nhân có ngành nghề đang hoạt động cùng với ngành nghề hợp tác kinh doanh với tổ chức thì tổ chức và cá nhân tự thực hiện khai thuế tương ứng với kết quả thực tế hợp tác kinh doanh theo quy định.”

Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định:

“1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt...”

Điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định:

“1. Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trong các trường hợp sau đây:

b) Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân;”

Căn cứ Phụ lục I - Danh mục ngành nghề tính thuế GTGT, thuế TNCN theo tỷ lệ % trên doanh thu ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các quy định nêu trên và hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty TNHH NYD Line và bà Trần Thị Kim Yến, Công ty xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng, kê khai thuế giá trị gia tăng cho toàn bộ doanh thu của hợp đồng hợp tác kinh doanh. Khi chia doanh thu cho cá nhân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN và kê khai nộp thuế thay cho cá nhân với mức tỷ lệ % trên doanh thu cá nhân được hưởng tương ứng theo từng ngành nghề kinh doanh quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 của Bộ Tài chính.

Về việc tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi trả cho đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh, Bộ Tài chính đã có hướng dẫn tại công văn số 4597/BTC-TCT ngày 09/04/2015 và công văn số 18512/BTC-TCT ngày 27/12/2016.

Trường hợp tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 5 Điều 51 Luật Quản lý thuế, mà cá nhân có ngành nghề đang hoạt động cùng với ngành nghề hợp tác kinh doanh với tổ chức thì tổ chức và cá nhân tự thực hiện khai thuế tương ứng với kết quả thực tế hợp tác kinh doanh theo quy định.

Tổng cục Thuế trả lời để Công ty TNHH NYD Line được biết, đề nghị Công ty căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tế của hoạt động hợp tác kinh doanh, liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTCTr Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Cục Thuế Tp Hồ Chí Minh;
- Các Vụ: KK, PC, DNNCN;
- Website TCT;
- Lưu VT, CS (2b).

(2;4)

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
PHÒNG TRƯỞNG



Mạnh Thị Tuyết Mai

40489/CS

Số: 459/BTC-TCT
V/v chính sách thuế

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2015

Kính gửi:

- Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH xây dựng kinh doanh nhà
và khách sạn Thái Bình

(Địa chỉ: 477 An Dương Vương, phường 3, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh)

Trả lời công văn số 1208/CV-CTY ngày 08/12/2014 của Công ty TNHH xây dựng kinh doanh nhà và khách sạn Thái Bình, công văn số 110/CT-TTHT ngày 07/01/2015 của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh về chính sách thuế đối với Hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty TNHH xây dựng kinh doanh nhà và khách sạn Thái Bình với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Khoản 16 Điều 3 Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định:

“16. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng BCC) là hình thức đầu tư được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập pháp nhân.”

Điểm 1 Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định:

“l) Đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh mà không thành lập pháp nhân:

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ thì doanh thu tính thuế là doanh thu của từng bên được chia theo hợp đồng;

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng sản phẩm thì doanh thu tính thuế là doanh thu của sản phẩm được chia cho từng bên theo hợp đồng;

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận trước thuế thì doanh thu để xác định thu nhập trước thuế là số tiền bán hàng hoá, dịch vụ theo hợp đồng.”

Tại điểm b mục 1.6 Điều 44 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp quy định:

“b) Trường hợp BCC quy định chia lợi nhuận sau thuế, bên thực hiện kế toán và quyết toán thuế phải căn cứ vào bản chất của hợp đồng để kế toán một cách phù hợp theo nguyên tắc:

- Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là BCC nhưng bản chất của hợp đồng là thuê tài sản. Trường hợp này, bên kế toán và quyết toán thuế thực chất là bên có quyền điều hành và chi phối hoạt động của BCC, phải áp dụng phương

pháp kế toán thuê tài sản cho hợp đồng, ghi nhận khoản phải trả cho các bên khác là chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, cụ thể:

+ Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình; Lãi trên cổ phiếu và các chỉ tiêu phân tích tài chính được tính đối với toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của BCC;

+ Ghi nhận toàn bộ Lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán, các chỉ tiêu tài chính liên quan đến tỷ suất lợi nhuận sau thuế được xác định bao gồm toàn bộ kết quả của BCC.

+ Các bên khác ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC."

Căn cứ các quy định nêu trên, Công ty TNHH xây dựng kinh doanh nhà và khách sạn Thái Bình với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng ký hợp đồng hợp tác đầu tư và khai thác dịch vụ nhà khách K9B thì khoản tiền cố định hàng tháng Công ty TNHH xây dựng kinh doanh nhà và khách sạn Thái Bình trả cho Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng theo thỏa thuận tại hợp đồng được xử lý về thuế như sau:

Trường hợp các bên tham gia hợp tác xác định khoản chi trả cố định nêu trên là phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của hợp đồng hợp tác kinh doanh thì Công ty TNHH Xây dựng kinh doanh nhà và khách sạn Thái Bình không được hạch toán khoản tiền trả cho Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động hợp tác kinh doanh giữa hai bên.

Trường hợp các bên tham gia hợp tác xác định khoản chi trả cố định nêu trên là doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản (nhà khách) của Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng thì khoản doanh thu này thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Nếu hai bên thỏa thuận Công ty TNHH Xây dựng kinh doanh nhà và khách sạn Thái Bình chịu các khoản thuế liên quan đến khoản tiền trả cho Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng thì Công ty TNHH Xây dựng kinh doanh nhà và khách sạn Thái Bình được hạch toán khoản tiền trả cho Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động hợp tác kinh doanh giữa hai bên.

Bộ Tài chính trả lời để Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH xây dựng kinh doanh nhà và khách sạn Thái Bình được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Đỗ Hoàng Anh Tuấn (để b/c);
- Các đơn vị: Vụ I, PC, CST, TCDN, CĐKT - BTC;
- Vụ PC-TCT;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS (3b)).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ
THỦ TƯỚNG TỔNG CỤC TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn



Ký bởi: Tổng cục Thuế
Địa chỉ: Tổng cục Thuế
Thời gian ký: 09/01/2017 14:47

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18512 /BTC-TCT
V/v hạch toán chi phí môi giới
và thuế khi hợp tác kinh doanh
với cá nhân.

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2016

Kính gửi: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Rainwater
(Địa chỉ: 280/3/18 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM)

Bộ Tài chính nhận được công văn số 10513/VPCP-ĐMDN ngày 06/12/2016 của Văn Phòng Chính phủ chuyên kiến nghị của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Rainwater về việc hạch toán chi phí môi giới và thuế khi hợp tác kinh doanh với cá nhân.

Về kiến nghị của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Rainwater, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về hạch toán kế toán:

Do văn bản của Công ty CP Tư vấn Đầu tư Rainwater không nêu rõ thuộc đối tượng áp dụng chế độ kế toán nào, Bộ Tài chính hướng dẫn hạch toán kế toán với giả định Công ty thuộc đối tượng áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty thực hiện như sau:

a) Trường hợp Công ty ký hợp đồng môi giới với một cá nhân để làm trung gian giới thiệu khách hàng cho Công ty.

Do đây là hợp đồng môi giới với cá nhân để cá nhân này làm trung gian giới thiệu khách hàng, bán sản phẩm của Công ty và công ty phải trả chi phí môi giới thì chi phí môi giới này sẽ được phản ánh vào TK 641 - Chi phí bán hàng. Theo đó, Công ty hạch toán như sau:

+ Trường hợp chi trả tiền thù lao, dịch vụ thuê ngoài ... ngay cho các cá nhân bên ngoài, ghi:

Nợ các TK 641 – Chi phí bán hàng (tổng số phải thanh toán)

Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3335) (số thuế thu nhập cá nhân phải khấu trừ) (nếu có)

Có các TK 111, 112 (số tiền thực trả)

+ Khi chi trả các khoản nợ phải trả cho các cá nhân bên ngoài Công ty, ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả)

Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế thu nhập cá nhân phải khấu trừ)

Có các TK 111, 112 (số tiền thực trả).

+ Khi nộp thuế thu nhập cá nhân vào Ngân sách Nhà nước thay cho người có thu nhập, ghi:

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3335)

Có các TK 111, 112,...

b) Trường hợp Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân để cùng thực hiện dịch vụ cho khách hàng.

Khi hợp đồng quy định cá nhân cùng đóng góp công sức, không đóng góp vốn và hưởng cố định 40% giá trị hợp đồng ký với khách hàng mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng là lãi hay lỗ thì về bản chất, đây là hợp đồng thuê dịch vụ bên ngoài.

Khi xác định số tiền phải trả cho cá nhân, ghi

Nợ các TK 627, 641, 642, 241,... (Tùy thuộc vào việc cá nhân đó đóng góp công sức cho hoạt động nào của hợp đồng)

Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế thu nhập cá nhân phải khấu trừ) (nếu có)

Có các TK 111, 112, 331,... (số tiền thực trả)

2. Về chính sách thuế:

a) Đối với hoạt động môi giới

- Tại điểm c, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn: *“Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm: ...*

c) Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như: tiền hoa hồng đại lý bán hàng hoá, tiền hoa hồng môi giới; tiền tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tiền tham gia các dự án, đề án; tiền nhuận bút theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút; tiền tham gia các hoạt động giảng dạy; tiền tham gia biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao; tiền dịch vụ quảng cáo; tiền dịch vụ khác, thù lao khác.”

- Tại điểm i, khoản 1, Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“i) Khấu trừ thuế đối với một số trường hợp khác

Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.”

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng với cá nhân để thực hiện các hoạt động môi giới bán hàng hoá và cá nhân được hưởng tiền hoa hồng môi giới thì thu nhập cá nhân được xác định là tiền lương tiền công. Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân nếu khoản trả từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên.

b) Đối với hoạt động hợp tác kinh doanh với tổ chức:

- Tại Điểm n Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp có hướng dẫn:

“n) Đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ thì doanh thu tính thuế là doanh thu của từng bên được chia theo hợp đồng.”

- Tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính về thuế TNDN quy định:

“Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

...”.

- Tại điểm a, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“a) Cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh gồm: cá nhân cư trú có phát sinh doanh thu kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam; cá nhân kinh doanh không thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định; cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức theo hình thức xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân.”

- Tại điểm b, khoản 2, Điều 3 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“b) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu

Tỷ lệ thuế giá trị gia tăng, tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nộp thuế theo từng lần phát sinh áp dụng như đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư này.”

- Tại điểm b.1, khoản 2, Điều 3 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“b.1) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu gồm tỷ lệ thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với từng lĩnh vực ngành nghề như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hoá: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 1%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 0,5%.

- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 5%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 2%.

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 3%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 1,5%.

- Hoạt động kinh doanh khác: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 2%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 1%.”

- Tại điểm b, khoản 1, Điều 7 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

"b) Cá nhân kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh với tổ chức, tài sản tham gia hợp tác kinh doanh thuộc sở hữu của cá nhân, xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân thì cá nhân uỷ quyền cho tổ chức khai thuế và nộp thuế thay. Tổ chức có trách nhiệm khai thuế và nộp thuế thay cho cá nhân tại cơ quan thuế quản lý tổ chức."

- Tại điểm a.1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

"a.1) Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ được xác định theo hợp đồng bán hàng, gia công, hoa hồng, dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội; các khoản bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng (đối với doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân) mà cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Doanh thu tính thuế trong một số trường hợp như sau:"

Theo trình bày của Công ty CP Tư vấn Đầu tư Rainwater: Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân không kinh doanh để cùng thực hiện dịch vụ cho khách hàng. Hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức Công ty xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho khách hàng, cá nhân được hưởng 40% giá trị hợp đồng (hợp tác kinh doanh theo hình thức chia doanh thu).

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân phát sinh doanh thu thì khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng theo hợp đồng, Công ty có trách nhiệm xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, xác định thu nhập tính thuế TNDN theo quy định. Căn cứ chứng từ chi theo hợp đồng hợp tác kinh doanh và khoản chi này có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thì Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định.

Khi Công ty chia lại 40% doanh thu cho cá nhân, Công ty có trách nhiệm khai và nộp thuế thay thuế TNCN cho cá nhân hoặc cá nhân tự kê khai, nộp thuế TNCN đối với thu nhập nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Bộ Tài chính trả lời đề Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Rainwater được biết và đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn theo quy định./.

Nơi nhận: *M*

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/cáo);
- Cục Thuế TP Hồ Chí Minh;
- Vụ CST, Vụ CKĐTK&KT, Vụ PC-BTC;
- Vụ PC - TCT;
- Lưu: VT, TCT(VT, CS(3b)). *AB*

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. TÓNG CỤC TRƯỞNG TÓNG CỤC THUẾ
PHÓ TÓNG CỤC TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn

60209